TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-4-2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Phục

Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 644/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01TB-TA ngày 22 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967; Trú tại: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968; Trú tại: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1991 nhưng đến nay chưa thực hiện đăng ký kết hôn. Nay hôn nhân không hạnh phúc và xảy ra nhiều mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà B; Về con chung, cả hai người có với nhau được ba người con chung gồm Nguyễn Thành L (giới tính nam)

sinh ngày 13/01/1991; Nguyễn Văn P (giới tính nam), sinh ngày 01/01/1992 và Nguyễn Thông M (giới tính nam) sinh ngày 25/5/2008. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi Nguyễn Thông M không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con chung, đối với Nguyễn Thành L và Nguyễn Văn P đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung không có. Tại phiên tòa ông T trình bày thống nhất giao Nguyễn Thông M cho bà B nuôi và cấp dưỡng số tiền 1.500.000 đồng/tháng đến 18 tuổi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Về quan hệ hôn nhân bà B và ông T sống chung năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống giữa bà và ông T không có xảy ra mâu thuẫn gì lớn, bản thân luôn chăm lo cho gia đình nên bà B không thống nhất ly hôn với ông T; Về con chung, cả hai người có với nhau được ba người con chung gồm Nguyễn Thành L (giới tính nam) sinh ngày 13/01/1991; Nguyễn Văn P (giới tính nam), sinh ngày 01/01/1992 và Nguyễn Thông M (giới tính nam) sinh ngày 25/5/2008. Khi ly hôn bà B yêu cầu được nuôi Nguyễn Thông M đồng thời ông T có nghĩa cấp dưỡng nuôi cong chung số tiền 900.000 đồng/tháng, đối với Nguyễn Thành L và Nguyễn Văn P đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung không có. Tại phiên tòa bà B trình bày, về quan hệ hôn nhân thống nhất ly hôn với ông T, về con chung thống nhất nuôi Nguyễn Thông M và số tiền cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng đến 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị không công nhận ông T và bà B là vợ chồng; Về con chung, giao cho bà B nuôi Nguyễn Thông M và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 1.500.000 đồng/tháng đến 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa các đương sự, là do tính tình không hòa hợp, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, dẫn đến ly thân. Trong thời gian sống ly thân, các đương sự không gặp gỡ để tìm biện pháp hàn gắn quan

hệ hôn nhân, không còn quan tâm lẫn nhau, chứng minh quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, xét hôn nhân giữa các đương sự tuy được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bị đơn bà Nguyễn Thị B.

[3] Về con chung: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T giao Nguyễn Thông M (giới tính nam) sinh ngày 25/5/2008 cho bà Nguyễn Thị B nuôi dưỡng và bà B thống nhất. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, bà B1 trực tiếp nuôi Nguyễn Thông M (giới tính nam) sinh ngày 25/5/2008; Đối với Nguyễn Thành L (giới tính nam) sinh ngày 13/01/1991; Nguyễn Văn P (giới tính nam), sinh ngày 01/01/1992 đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B thống nhất ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thông Minh số tiền 1.500.000 đồng/tháng đến khi 18 tuổi, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

[4] Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 9, 14, 15, 16, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận nguyên đơn ông Nguyễn Văn T với bị đơn bà Nguyễn Thị B là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thông Minh (giới tính nam) sinh ngày 25/5/2008. Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp

dưỡng số tiền 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng) đến khi 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày ban hành bản án.

Dành quyền trông nom, chăm sóc con chung cho ông Nguyễn Văn T, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006223 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí.

Về án phí nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hiếu